

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 86/2025/HS-ST

Ngày: 26 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Công

Thẩm phán: Ông Chu Thái Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Mạnh Tuân

Ông Phạm Văn Thọ

Ông Lê Văn Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Đ tham gia phiên toà: Bà Đặng Thanh Nga, - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 6 năm 2025 đối với:

Bị cáo Trần Cao Ph, sinh ngày 18/10/1962 tại Nam Đ; nơi đăng ký HKTT trước khi bị bắt: Đội 7, xã Trục T, huyện Trục N, tỉnh Nam Đ; nơi ở khi bị bắt: phòng L41, khu nhà trọ chợ An Tân, ấp Lò Ô, phường An T, thành phố Bến C, tỉnh B D; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Hoàng Thị Ng; có vợ là Trần Hồng X và 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án: không; tiền sự: không. Bị bắt truy nã và tạm giam từ ngày 26/10/2024. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Cao Ph: Luật sư Đỗ Thị Minh Th – Công ty Luật TNHH Minh Thu & Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nam Đ. Có mặt.

- Các bị hại:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội

(Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội đã sáp nhập vào Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội theo quyết định số: 1559/QĐ-NHNN ngày 07/8/2012 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước)

- Người đại diện hợp pháp là: Ông Nguyễn Đình Ng và ông Dương L H – Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Nam Đ (sau đây viết tắt là Vietinbank Nam Đ)

- Người đại diện hợp pháp là: ông Đặng Văn H - Phó giám đốc. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH Thuận Phong (sau đây viết tắt là Công ty Thuận Phong), địa chỉ tại: Số 16/72 đường Trần Thái Tông, phường Thống Nhất, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ.

- Người đại diện hợp pháp: là bị cáo Trần Cao Ph, sinh năm: 1962, làm Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng thành viên. Có mặt.

2. Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng; địa chỉ: Số 290 đường Hà Nội, phường Sở D, quận Hồng B, thành phố Hải Ph.

- Người đại diện hợp pháp: là ông Lê Văn Th - Giám đốc công ty. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Thuận Phong (sau đây viết tắt là Công ty Thuận Phong), địa chỉ tại: Số 16/72 đường Trần Thái Tông, phường Thống Nhất, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 072001325 ngày 15/3/2007 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Nam Đ cấp (Bút lục số 677, 681). Theo đó: đại diện theo pháp luật là Trần Cao Ph, sinh năm: 1962, làm Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng thành viên. Các thành viên tham gia góp vốn gồm Trần Cao Ph góp 5 tỷ đồng, các ông: Trần Chí Ph, sinh năm: 1947, địa chỉ: Trục Tuấn, Trục Ninh góp 1.500.000.000 đồng; Trần Văn Sỹ, sinh năm: 1942, địa chỉ: Trục Tuấn, Trục Ninh góp 1.200.000.000 đồng; Nguyễn Hồng Càn, sinh năm: 1957, địa chỉ: Trục Tuấn, Trục Ninh góp 900.000.000 đồng; Vũ Văn Tùng, sinh năm: 1971, địa chỉ: Trục Tuấn, Trục Ninh, Nam Đ góp 900.000.000 đồng. Tuy nhiên, Trần Cao Ph trình bày chỉ có Phong tự bỏ vốn ra kinh doanh, còn các thành viên khác chỉ đứng tên trên Giấy, thực tế không góp vốn, không tham gia điều hành, không liên quan đến hoạt động kinh doanh (Bút lục số 102).

Sau khi thành lập Công ty, từ năm 2007, Trần Cao Ph lấy tư cách đại diện Công ty Thuận Phong ký nhiều Hợp tín dụng vay tiền của nhiều Ngân hàng trong đó có nhiều Hợp đồng tín dụng đã được tất toán, thanh lý. Do làm ăn thua lỗ,

khoảng tháng 11/2010, Trần Cao Ph bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không thanh toán lãi, gốc cho các Ngân hàng, các Ngân hàng đã thông báo đến Công ty Thuận Phong và Trần Cao Ph để tiến hành thu hồi tài sản thế chấp nhưng không L lạc được và không tìm được tài sản thế chấp nên Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội chi nhánh Hàng Trống (sau đây viết tắt là Habubank Hàng Trống) và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương chi nhánh Nam Đ (sau đây viết tắt là Vietinbank Nam Đ) có Đơn tố cáo Trần Cao Ph có hành vi chiếm đoạt tiền vay gửi đến Cơ quan có thẩm quyền (Bút lục số 206, 207). Kết quả điều tra xác định:

1. Hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Habubank Hàng Trống:

Ngày 06/06/2007, Trần Cao Ph đại diện Công ty Thuận Phong và ông Mai Văn Ph đại diện Công ty TNHH Long Hải (sau đây gọi tắt là Công ty Long Hải) ký Hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT. Theo đó: Công ty Long Hải nhận đóng mới cho Công ty Thuận Phong 01 tàu vỏ thép tải trọng 2000 tấn theo thiết kế, trị giá 18 tỷ đồng, trong thời hạn 06 tháng. Đồng thời hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 01, theo đó: Công ty Thuận Phong cung cấp vật tư, máy móc thiết bị, Công ty Long Hải chịu trách nhiệm thi công (Bút lục từ số 1082 đến 1084). Ngoài ra, ngày 22/6/2007, Trần Cao Ph đại diện Công ty Thuận Phong và ông Mai Đình Ph đại diện Công ty TNHH Đình Ph ký Hợp đồng kinh tế số 05 “về việc đóng tàu trọn gói”, theo đó: Công ty Thuận Phong khoán trọn gói cho Công ty TNHH Đình Ph đóng mới tàu VNS-10 tải trọng 995 tấn trị giá 4.186.350.000 đồng (Bút lục số 943-945).

Để có tiền đóng tàu, Trần Cao Ph L hệ vay vốn với Habubank Hàng Trống và nộp các tài liệu L quan đến việc Hội đồng thành viên Công ty Thuận Phong nhất trí đầu tư đóng mới 01 tàu vận tải biển tải trọng 2000 tấn và ủy quyền cho Trần Cao Ph thực hiện các giao dịch tại Ngân hàng (Bút lục 680 -685), 01 bản Dự án đóng mới tàu biển cấp III hạn chế tải trọng 2000 tấn (Bút lục số 714 đến 755); 01 Tờ trình xin vay vốn ngày 02/06/2007 do Trần Cao Ph ký có nội dung: Công ty Thuận Phong đề nghị Habubank Hàng Trống cho vay số tiền 12 tỷ đồng để đóng mới tàu vận tải biển tải trọng 2000 tấn theo Dự án.

Ngày 12/7/2007, Công ty Thuận Phong ký Hợp đồng tín dụng đầu tư số 0706HT119/HĐTD với Habubank Hàng Trống (Bút lục số 762-776). Theo đó: Habubak Hàng Trống cho Công ty Thuận Phong vay số tiền 12.000.000.000 đồng, với thời hạn 96 tháng để thực hiện đầu tư dự án đóng tàu biển Thuận Phong 09 tải trọng 2000 tấn theo thiết kế được duyệt, tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp, cụ thể:

- Ngày 12/7/2007, Công ty Thuận Phong và Habubank Hàng Trống, vợ chồng ông Hoàng Văn B và vợ là Trần Thị L ký Hợp đồng thế chấp tài sản số

0706HT119.2/HĐTC với nội dung: thế chấp Quyền sở hữu nhà và sử dụng thửa đất số 1859, tờ bản đồ PL4/5 của ông Hoàng Văn B và bà Trần Thị L ở xã Trục Tuấn, Trục Ninh, Nam Đ trị giá 168.000.000 đồng để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty Thuận Phong theo Hợp đồng tín dụng số 0706HT119/HĐTD ngày 12/7/2007 với số tiền vay là 12 tỷ đồng (Bút lục số 1172 đến 1176). Hợp đồng được công chứng tại phòng Công chứng số 1 Sở tư pháp tỉnh Nam Đ ngày 18/7/2007. Đến ngày 04/10/2007 mới nộp hồ sơ và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trục Ninh.

- Ngày 17/7/2007, Công ty Thuận Phong và Habubank Hàng Trống ký Hợp đồng thế chấp tài sản với nội dung: thế chấp 02 tàu hàng khô hình thành trong tương lai gồm tàu hàng khô VNB-04-01 (là tài sản hình thành từ vốn vay) và tàu hàng khô VNS-10 có tổng trị giá 25 tỷ để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 0706HT119/HĐTD ngày 12/7/2007, Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu kèm theo là Giấy chứng nhận thiết kế được duyệt số 224/07QP do Đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 05/07/2007; Giấy chứng nhận thiết kế được duyệt số 269/07TS do Đăng kiểm Việt Nam cấp ngày 20/6/2007 (Bút lục số 1197, 1205 đến 1209, 1215). Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Phòng công chứng số 1 Sở tư pháp tỉnh Nam Đ ngày 18/07/2007. Việc thế chấp tàu VNB04-10 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội ngày 05/10/2007 (Bút lục số 1244-1247). Việc thế chấp tàu VNS-10 chưa được đăng ký giao dịch bảo đảm.

Từ 19/7/2007 đến 21/12/2007, Habubank Hàng Trống giải ngân tổng số tiền 9.414.000.000 đồng cho Công ty Thuận Phong gồm: 02 lần giải ngân tổng số tiền 6,8 tỷ vào tài khoản của Công ty Long Hải theo Ủy nhiệm chi của Công ty Thuận Phong (ngày 19/7/2007 giải ngân 5 tỷ, ngày 21/12/2007 giải ngân 1,8 tỷ) và 02 lần chuyển tổng số tiền 2.614.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty TNHH thép Thanh B H.T.C (ngày 31/8/2007 giải ngân 1,8 tỷ; ngày 25/10/2007 giải ngân 814 triệu đồng) theo Ủy nhiệm chi của Công ty Thuận Phong trên cơ sở chứng từ mua hàng hóa đóng tàu (Bút lục từ số 782 đến 839).

Theo Phụ lục hợp đồng, Công ty Long Hải chỉ gia công tàu, còn vật tư, máy móc, thiết bị,...do Công ty Thuận Phong cung cấp nên Trần Cao Ph đã đứng tên Công ty Long Hải để mua hàng vật tư và chuyển cho Công ty Long Hải đóng tàu. Khi Habubank Hàng Trống giải ngân cho Công ty Long Hải, ông Mai Văn Ph - Giám đốc đã trả tiền mặt cho Trần Cao Ph theo các phiếu chi số 35 ngày 20/7/2007 số tiền 5.000.000.000 đồng, phiếu chi số 02 ngày 27/12/2007 số tiền 1.800.000.000 đồng (Bút lục số 1103, 1104).

Ngày 26/12/2007, Công ty Thuận Phong có Công văn số 08/CVCTY đề nghị Công ty Long Hải ngừng thi công tàu Thuận Phong trọng tải 2000 tấn do tình hình

tài chính không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT ngày 06/06/2007 và đề nghị Công ty Long Hải nghiệm thu khối lượng thực tế thi công dang dở để thanh toán (Bút lục số 1136). Ngày 31/12/2007, Công ty Thuận Phong và Công ty Long Hải lập biên bản đối chiếu công nợ, theo đó: tổng giá trị quyết toán thi công tàu là 2.422.373.844 đồng, đã thanh toán 1.072.373.844 đồng, Công ty Thuận Phong còn nợ Công ty Long Hải 1.350.000.000 đồng (Bút lục số 1140, 1141). Ngày 02/01/2008, Công ty Thuận Phong có Văn bản ủy quyền cho Công ty Long Hải được bán tàu ký hiệu VNB04-01 trọng tải 2000 tấn hạn chế III cho Công ty xi măng Hải Phòng (Bút lục số 1100). Ngày 03/01/2008, Công ty Long Hải và Công ty Thuận Phong ký Hợp đồng kinh tế số 01/HĐMB-CN, theo đó: Công ty Thuận Phong bán cho Công ty Long Hải tàu đóng mới dang dở ký hiệu thiết kế VNB04-01 với giá 13.850.000.000 đồng (Bút lục số 1095-1096). Ngày 04/01/2008, Công ty Long Hải và Công ty cổ phần thương mại dịch vụ xi măng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Công ty Xi măng Hải Phòng) ký Hợp đồng mua bán số 02/HĐMB, theo đó: Công ty Long Hải bán cho Công ty Xi măng Hải Phòng 01 tàu biển ký hiệu thiết kế VNB04-01 tải trọng 2000 tấn với giá là 15.600.000.000 đồng (Bút lục số 1098, 1099). Ngày 20/7/2008, Công ty Thuận Phong và Công ty Long Hải đã ký Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế số 01/HĐMB-CN, theo đó: Công ty Long Hải đã hoàn tất thanh toán tổng số tiền 13.850.000.000 đồng, cụ thể: ngày 08/1/2008 trả 01 tỷ; ngày 27/2/2008 trả 09 tỷ, ngày 23/6/2008 trả 2,5 tỷ) và đối trừ số tiền Công ty Thuận Phong nợ Công ty Long Hải là 1.350.000.000 đồng (Bút lục số 1097). Sau khi Công ty Long Hải ký Hợp đồng mua tàu của Công ty Thuận Phong và bán cho Công ty Xi măng Hải Phòng. Công ty Xi măng Hải Phòng đã thanh toán tiền cho Công ty Long Hải theo hợp đồng mua bán, Công ty Long Hải tiếp tục thi công hoàn thiện tàu. Ngày 16/7/2008, ngày 17/7/2008 Công ty Thuận Phong đề nghị Cục đăng kiểm Việt Nam chấp thuận đổi chủ sử dụng thiết kế Tàu hàng khô VNB04-01 từ Công ty Thuận Phong sang Công ty Xi măng Hải Phòng. Công ty Long Hải tiếp tục đóng hoàn thiện tàu cho Công ty Xi măng Hải Phòng. Ngày 08/12/2010, Công ty Xi măng Hải Phòng đề nghị Cơ quan đăng ký tàu biển và thuyền viên khu vực Hải Phòng đặt tên tàu là Hồng Bàng 68. Ngày 10/12/2010, được cơ quan này chấp thuận (Bút lục 2209-2210).

Mặc dù ngày 04/1/2008 đã bán tàu cho Công ty Long Hải và ngừng đầu tư nhưng ngày 22/4/2008, Trần Cao Ph và Mai Văn Ph – Giám đốc Công ty Long Hải vẫn tiếp tục lập Biên bản xác nhận khối lượng công việc đề nghị Habubank hàng Trống giải ngân tiếp số tiền 2.586.000.000 đồng còn lại trong số hạn mức 12 tỷ đồng vay theo Hợp đồng tín dụng 0706HT119/HĐTD. Ngày 06/5/2008, Habubank Hàng Trống đã giải ngân số tiền 2.586.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của Công ty Long Hải theo Ủy nhiệm chi của Công ty Thuận Phong với nội dung thanh toán: chuyển tiền để hoàn thiện tàu Thuận Phong (Bút lục từ số 830 đến 832). Ngày 07/5/2008, Công ty Long Hải trả tiền mặt cho Trần Cao Ph theo phiếu chi số 05 (Bút

lục số 1105).

Do Công ty Thuận Phong không trả lãi đúng hạn theo thỏa thuận tại Phụ lục số 02 (Bút lục số 778) nên từ ngày 24/10/2008 và 11/5/2009 tại Habubank Hàng Trống, Trần Cao Ph và đại diện Habubank Hàng Trống họp bàn về việc thực hiện kế hoạch thanh toán trả tiền vay, Habubank Hàng Trống không biết Trần Cao Ph đã hoàn tất việc bán tài sản thế chấp là tàu VNB04-01 cho Công ty Long Hải, Trần Cao Ph trình bày: đang có hướng chuyển nhượng tàu VNB04-01 để lấy tiền trả cho Habubank Hàng Trống và vay vốn Ngân hàng Công thương để trả cho Habubank Hàng Trống (Bút lục số 1699-1714).

Đến ngày 03/3/2009 và ngày 30/6/2009, Công ty Thuận Phong tiếp tục dùng tài sản thế chấp như hợp đồng số 0706 HT119/HĐTD ngày 12/7/2007 trong đó có tàu VNB04-01 đã bán cho Long Hải khi ký 02 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn với Habubank Hàng Trống để vay tổng số tiền 1.636.000.000 đồng nhưng đến nay không thanh toán theo Hợp đồng, cụ thể:

- Ngày 03/03/2009 ký Hợp đồng tín dụng số 0903HT003/HĐTD-NH/2009 (Bút lục 840-850) với nội dung: vay 420.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay vốn: trả tiền lương công nhân (Bút lục số 1168 -1171) đồng thời ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0903HT003/HĐTC với nội dung: thế chấp tài sản là Quyền sở hữu nhà và sử dụng thửa đất số 1859, tờ bản đồ PL4/5 của ông Hoàng Văn B và bà Trần Thị L ở xã Trục Tuấn, Trục Ninh, Nam Đ trị giá 168.000.000 đồng (Bút lục số 1168-1176) và Hợp đồng thế chấp cùng số 0903HT003/HĐTC với nội dung: thế chấp tài sản là tàu VNB04-01 và VNS-10 tổng trị giá 25 tỷ (Bút lục số 1224-1226) để đảm bảo cho khoản vay 420.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0903HT003/HĐTD-NH/2009. Ngân hàng chuyển vào tài khoản của Công ty Thuận Phong vào ngày 03/03/2009 và 31/3/2009 tổng số tiền 420.000.000 đồng.

- Ngày 30/06/2009 ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0906HT031/HĐTD-NH2009 vay 1.216.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động (Bút lục số 1595 -1605) đồng thời ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0906HT031/HĐTC (Bút lục số 1233- 1235) với nội dung: thế chấp tài sản là tàu VNB04-01 và VNS-10 tổng trị giá 25 tỷ và Hợp đồng thế chấp tài sản cùng số 0906HT031/HĐTC (Bút lục số 1236 - 1239) với nội dung: thế chấp tài sản là Quyền sở hữu nhà và sử dụng thửa đất số 1859, tờ bản đồ PL4/5 của ông Hoàng Văn B và bà Trần Thị L ở xã Trục Tuấn, Trục Ninh, Nam Đ trị giá 168.000.000 đồng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0906HT031/HĐTD-NH2009 với số tiền vay là 1.216.000.000 đồng. Ngân hàng đã chuyển vào tài khoản của Công ty Thuận Phong 02 lần vào ngày 31/3/2009 tổng số tiền 1.216.000.000 đồng.

Tại CQĐT, ông Mai Văn Ph – Giám đốc Công ty Long Hải trình bày: việc

đóng tàu và mua, bán tàu VNB04-01 như nêu trên. Ông Ph cùng các Công ty có L quan đến chứng từ do Trần Cao Ph cung cấp cho Habubank Hàng Trống để làm cơ sở giải ngân xác nhận: có việc bán hàng hóa cho Công ty Thuận Phong để đóng tàu với tổng số tiền là 4.501.988.785 đồng. Tiền công đóng tàu là 2.422.373.844 đồng trong đó Phong đã thanh toán 1.072.373.844 đồng. Ông Ph ký Biên bản xác nhận khối lượng công việc ngày 22/4/2008 cho Phong là do Phong đề nghị ký (Bút lục số 1035, 1036, 1038, 1093, 1087, 1040, 1089, 1091, 1152, 1156, 1149-1150, 1249-1270).

Tại CQĐT, ông Mai Văn Đình – Giám đốc Công ty TNHH Đình Ph trình bày: Công ty TNHH Đình Ph do ông Mai Ngọc Đình làm Giám đốc thực hiện đóng mới tàu VNS-10 cho Công ty Thuận Phong theo Hợp đồng kinh tế số 05 “về việc đóng tàu trọn gói” ngày 22/06/2007, trị giá 4.186.350.000 đồng, ngày 17/3/2008 đã thanh lý hợp đồng bàn giao tàu cho Công ty Thuận Phong.

Như vậy, tổng số tiền đầu tư vào việc đóng tàu VNB04-01 và VNS-10 khoảng 9.500.000.000 đồng.

Sau khi vay, Công ty Thuận Phong thanh toán tiền, lãi, gốc đến ngày 30/11/2009 thì dừng trả lãi, gốc theo các hợp đồng vay (Bút lục 1778-1791). Cụ thể:

- Hợp đồng số 0706HT119/HĐTD vay 12 tỷ: ngày 29/7/2008 và ngày 25/10/2008 trả tổng số tiền 223.000.000 đồng tiền gốc, từ ngày 05/11/2007 đến 30/11/2009 trả lãi tổng số tiền 3.604.153.574 đồng. Tính đến 20/02/2012, Công ty Thuận Phong nợ Ngân hàng Hàng Trống số tiền: 17.626.981.100 đồng, trong đó: nợ gốc: 11.777.000.000 đồng, nợ lãi: 5.849.981.100 đồng.

- Hợp đồng số 0903HT003/HĐTD-NH/2009 vay 420 triệu: Sau khi vay, từ 31/3/2009 đến 30/11/2009 Thuận Phong trả lãi tổng số tiền 38.730.635 đồng, tính đến ngày 20/02/2012 Công ty Thuận Phong nợ Ngân hàng Hàng Trống số tiền: 569.205.165 đồng, trong đó: nợ gốc: 420.000.000 đồng, nợ lãi: 149.205.165 đồng.

- Hợp đồng số 0906HT031/HĐTD-NH/2009 vay 1.216.000.000 đồng: ngày 30/11/2009 và ngày 11/2/2011 đã trả lãi tổng số tiền 57.825.833 đồng, từ ngày 25/3/2011 đến 25/02/2012 hệ thống ngân hàng tự trừ tổng số tiền lãi 31.600 đồng, tính đến ngày 20/02/2012 Công ty Thuận Phong nợ Ngân hàng Habubank số tiền: 1.645.528.067 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.216.000.000 đồng, nợ lãi: 429.528.067 đồng.

Do công ty Thuận Phong chậm thanh toán nên Habubank Hàng Trống đã nhiều lần yêu cầu giao nộp tài sản thế chấp nhưng Trần Cao Ph không giao nộp. Ngày 21/7/2010, Trần Cao Ph đại diện Công ty Thuận Phong ký Hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0706HT119/HĐTD (Bút lục số 1228 đến 1232): tài sản thế chấp là tàu hàng khô/VNB 02-12, tải trọng 3200 tấn và nộp kèm theo Giấy chứng nhận thiết kế được

duyet số: 3950/QPĐM08 do Đăng kiểm Việt Nam chứng nhận ngày 07/4/2008 (Bút lục số 1227). Habubank Hàng Trống không đồng ý, không thỏa thuận cho Phong bán tàu VNB04-01. Sau đó, Habubank Hàng Trống phát hiện tàu VNB04-01 đã được bán cho Công ty Xi măng Hải Phòng nên làm Đơn tố cáo gửi đến Công an tỉnh Nam Đ. Habubank Hàng Trống xác định: tính đến 20/2/2012, Thuận Phong còn nợ tổng số tiền: 19.841.714.332 đồng, trong đó nợ gốc: 13.413.000.000 đồng, nợ lãi: 6.428.714.332 đồng. Sau đó, Habubank đã phát mại tài sản bảo đảm là nhà đất đứng tên ông Hoàng Văn B bà Trần Thị L bảo đảm cho số tiền vay cao nhất là 168 triệu đồng, đã xử lý thu hồi số tiền mà bà L bảo lãnh là 168 triệu đồng (Bút lục số 3063).

Về 02 con tàu là tài sản thế chấp:

- Tàu VNB04-01 hành thành từ vốn vay: Ngày 15/6/2012 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Đ có Biên bản kê biên tài sản theo Lệnh kê biên tài sản ngày 13/6/2012 đối với Công ty Xi măng Hải Phòng tiến hành kê biên tàu Hồng Bàng 68 ký hiệu VNB04-01 đang đóng mới tại Công ty Long Hải. Tài sản giao cho ông Vũ Xuân Bằng người đại diện theo pháp luật của Công ty xi măng Hải Phòng quản lý, sử dụng, bảo quản cho đến khi có quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền (Bút lục số 2216)

- Tàu VNS-10: Sau khi nhận bàn giao tàu từ Công ty TNHH Đình Ph. Công ty Thuận Phong đăng ký tên tàu là Thuận Phong-05, số đăng ký NĐ-2023 (Bút lục số 939 đến 949, 986 đến 995, 1008 đến 1011). Sau đó Trần Cao Ph thế chấp tàu NĐ-2023 để vay tiền tại Vietinbank Nam Đ. Hiện nay chưa tìm thấy tàu NĐ-2023.

2. Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tiền vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Đ.

Công ty Thuận Phong là khách hàng có quan hệ tín dụng thường xuyên với Vietinbank Nam Đ nên ký nhiều Hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các hợp đồng tín dụng của Công ty Thuận Phong tại Vietinbank Nam Đ trong đó có tài sản là tàu VNS-10 sau này đặt tên là Thuận Phong 05 có số đăng ký là NĐ-2023 đã được thế chấp toàn bộ giá trị tại Habubank Hàng Trống từ ngày 17/7/2007. Cụ thể:

- Ngày 24/3/2008, Trần Cao Ph và Vietinbank Nam Đ ký Hợp đồng thế chấp số 08080018/HĐTC với nội dung: Công ty Thuận Phong thế chấp tàu Thuận Phong 05, số đăng ký NĐ-2023 trị giá 7.500.000.000 đồng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, cam kết tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và chưa thế chấp, bảo lãnh ở bất kỳ tổ chức và cá nhân nào khác. Giấy tờ chứng minh: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 372/ĐK do Sở Giao thông vận tải tỉnh Nam Đ cấp ngày 24/11/2009 (Bút lục số 297-300). Ngày 24/3/2008, Vietinbank Nam Đ đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội (Bút lục số 300).

- Ngày 24/3/2008, Trần Cao Ph và Vietinbank Nam Đ, bà Hoàng Thị Sinh đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số 08180019, theo đó: bà Sinh tự nguyện đem thừa đất đứng tên Hoàng Thị Sinh tại Khu A1 đường Hữu Nghị, Cổ Lễ, Trục Ninh thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty Thuận Phong. Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 803885 do UBND huyện Trục Ninh cấp ngày 14/11/2007 (Bút lục số 349-352). Ngày 24/3/2008, Vietinbank Nam Đ đã đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trục Ninh (Bút lục số 354)

- Ngày 28/01/2010, Trần Cao Ph và Vietinbank Nam Đ đã ký hợp đồng thế chấp tài sản số TC1022006, theo đó Công ty Thuận Phong thế chấp tàu NB – 2531 trị giá 4 tỷ đồng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty Thuận Phong tại Vietinbank Nam Đ theo các Hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết. Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 114/ĐK do Sở Giao thông vận tải tỉnh Nam Đ cấp ngày 17/3/2008 (Bút lục số 1837 đến 1859). Ngày 28/1/2010, Vietinbank Nam Đ đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Hà Nội (Bút lục số 1842).

Để có tiền sử dụng cho bản thân, mặc dù đang nợ Habubank Hàng Trống và BIDV hơn 23 tỷ đồng nhưng Trần Cao Ph chỉ đạo Đỗ Văn Chức là Kế toán trưởng Công ty Thuận Phong lập Báo cáo tài chính năm 2008 và năm 2009 (gồm Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh) không kê khai phần nợ dài hạn của Công ty Thuận Phong tại các Ngân hàng này trong đó có khoản nợ quá hạn của Công ty Thuận Phong tại Habubank Hàng Trống, lập Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT và Phương án kinh doanh không đúng với hoạt động sản xuất kinh doanh, (Bút lục 258, 267, 3183-3186) và Phong lập các tài liệu L quan đến việc Hội đồng thành viên Công ty Thuận Phong thống nhất mở rộng và phát triển kinh doanh các loại than, tôn, sắt, thép, vận chuyển hàng hóa và ủy quyền cho Trần Cao Ph đại diện Công ty Thuận Phong ký kết các thủ tục L quan đến vay vốn, bảo đảm tiền vay tại Ngân hàng. Ngày 02/02/2010, Phong nộp Báo cáo tài chính, các tài liệu đã lập không này cùng Văn bản đề nghị cấp giới hạn tín dụng khách hàng gửi đến Vietinbank Nam Đ (Bút lục từ số 222 đến 268, 271), theo đó: Công ty Thuận Phong đề nghị Vietinbank Nam Đ cấp giới hạn tín dụng cho vay 6.000.000.000 đồng để hoạt động dịch vụ vận tải hàng hóa, kinh doanh than cám và thế chấp các tài sản trên.

Sau khi thẩm định, Vietinbank Nam Đ đã đồng ý cấp giới hạn tín dụng 6 tỷ đồng cho Công ty Thuận Phong (Bút lục số 268-273). Sau đó Vietinbank Nam Đ đã ký 03 Hợp đồng tín dụng và giải ngân cho Trần Cao Ph trên cơ sở các chứng từ giải ngân do Trần Cao Ph cung cấp. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số TD 1022017/HĐTD ngày 02/02/2010, đề

ngiht vay số tiền 02 tỷ đồng mục đích vay vốn: Kinh doanh than các loại; Tài sản đảm bảo: Tàu chở hàng khô NĐ2531 trọng tải 981 tấn giá trị 4 tỷ đồng. Hồ sơ vay vốn gồm: Phương án kinh doanh ngày 01/02/2010 có nội dung: Công ty Thuận Phong mua than của Công ty TNHH Trường Hạnh tại số 7, tổ 12 khu 4, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh vận chuyển về cung cấp than cho Doanh nghiệp tư nhân Mai Lan tại huyện Ý Yên, Nam Đ; Hợp đồng kinh tế ngày 04/01/2010 giữa Công ty Thuận Phong và Công ty Trường Hạnh; Hợp đồng kinh tế ngày 08/01/2010 giữa Công ty Thuận Phong và Doanh nghiệp tư nhân Mai Lan; Hợp đồng kinh tế ngày 06/01/2010 giữa Công ty Thuận Phong và Công ty TNHH Tuấn Sinh (Bút lục số 280-294) Ngân hàng đã giải ngân 1 tỷ đồng vào tài khoản của Công ty Trường Hạnh theo Lệnh chi ngày 02/2/2010 (Bút lục số 289) và chi tiền mặt 1 tỷ đồng cho Phong theo Phiếu lĩnh tiền mặt ngày 02/02/2010 (Bút lục số 288). Ngày 04/02/2010, Công ty Trường Hạnh chuyển trả vào tài khoản của Công ty Thuận Phong tại NH Đầu tư Nam Đ số tiền 930 triệu đồng; ngày 10/2/2010, trả bằng tiền mặt cho Phong số tiền 70 triệu đồng.

Do trước đó đã ký Hợp đồng thế chấp nên ngày 29/3/2010, Trần Cao Ph và Vietinbank Nam Đ đã lập Biên bản định giá tàu NĐ-2023 xác định tàu có giá trị 6 tỷ đồng tương ứng với số tiền vay là 3 tỷ đồng, đồng thời Vietinbank Nam Đ gửi Văn bản đề nghị không cho phép chuyển nhượng, sang tên đổi chủ gửi đến Sở Giao thông vận tải tỉnh Nam Đ (Bút lục từ số 297 đến 316).

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số TD 1022051/HĐTD ngày 29/03/2010 đề nghị vay số tiền 3.300.000.000 đồng mục đích vay vốn: Mua tôn của Công ty cổ phần cơ khí xây dựng An Long (Công ty An Long) theo hợp đồng số 12/HĐKT ; Tài sản đảm bảo: Tàu NĐ2023 trọng tải 951 tấn giá trị 6 tỷ đồng và ngôi nhà 02 tầng giá trị 450 triệu đồng của bà Hoàng Thị Sinh địa chỉ: Khu A1 đường Hữu Nghị, Cổ Lễ, Trưc Ninh; Hồ sơ vay vốn gồm: Phương án kinh doanh ngày 29/03/2010 nội dung: Công ty Thuận Phong mua tôn của Công ty An Long tại Lô 36, đường Trần Nguyên Đán, khu đô thị mới Hòa Vượng, thành phố Nam Đ về cung cấp bán cho Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Phong Hải, địa chỉ: Xóm 13, Việt Hùng, Trưc Ninh, Nam Đ. Vietinbank Nam Đ đã giải ngân 2.300.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty An Long theo Lệnh chi ngày 29/3/2010 và chi 1 tỷ đồng tiền mặt cho Phong (Bút lục từ số 329 đến 348).). Sau đó Công ty An Long đã viết séc chuyển trả lại Phong 2.300.000.000 đồng.

Do trước đó đã ký Hợp đồng thế chấp nên ngày 29/3/2010 Trần Cao Ph và Vietinbank Nam Đ đã lập Biên bản xác định nhà, đất: có giá trị 450 triệu đồng tương ứng với số tiền vay là 300 triệu đồng (Bút lục số 349 đến 363).

- Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số TD 1022258/HĐTD ngày 24/08/2010 đề nghị vay số tiền 300.000.000 đồng mục đích vay vốn: thanh toán tiền dầu, nhót cho

Công ty TNHH Tiến Bảo theo hợp đồng số 08/HĐKT ký ngày 08/8/2010 ; Tài sản đảm bảo: Tàu thủy nội địa NĐ2531 trọng tải 981 tấn giá trị 4 tỷ đồng; Hồ sơ vay vốn gồm: Phương án vay vốn và trả nợ ngày 24/08/2010 nội dung: Công ty Thuận Phong mua dầu Diezen chạy máy, dầu nhớt bôi trơn động cơ, dầu thủy lực của Công ty Tiến Bảo phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa. Ngân hàng đã giải ngân 300.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty TNHH Tiến Bảo theo lệnh chi ngày 24/8/2010 số tiền 300.000.000 đồng (Bút lục từ số 317 đến 328). Sau đó Công ty Tiến Bảo đã chuyển trả lại Phong 300.000.000 đồng tiền mặt.

Từ tháng 2/2010 đến tháng 10/2010, Trần Cao Ph trả lãi đầy đủ đúng hạn, từ tháng 11/2010 Phong không trả tiền lãi, gốc, Vietinbank Nam Đ yêu cầu thanh toán trả nợ hoặc bàn giao tài sản thế chấp nhưng Trần Cao Ph đã bỏ trốn, không thể L lạc được, không xác định được tài sản thế chấp là 02 con tàu ở đâu.

Ngày 29/09/2012 , Vietinbank Nam Đ đã phát mại tài sản bảo đảm còn lại trên thực tế là nhà đất của bà Hoàng Thị Sinh bảo đảm cho số tiền vay cao nhất là 300 triệu đồng, đã xử lý thu hồi số tiền mà bà Sinh bảo lãnh là 300 triệu đồng.

Vietinbank Nam Đ xác định: Đến tháng 12/2024 đối với khoản vay 5.600.000.000 đồng, Công ty Thuận Phong còn nợ: tiền gốc 5.600.000.000 đồng , tiền lãi cộng dồn: 12.175.855.278 đồng, lãi phạt cộng dồn: 5.912.522.277 đồng, tổng cộng: 23.688.377.555 đồng.

Tại CQĐT, các doanh nghiệp, cá nhân L quan đến chứng từ là cơ sở giải ngân do Trần Cao Ph cung cấp cho Vietinbank Nam Đ đều trình bày không có việc mua bán hàng hóa với Trần Cao Ph. Cụ thể:

- Công ty TNHH Trường Hạnh do ông Phạm Văn Thăng làm giám đốc có địa chỉ tại: số 7, tổ 12 khu 4, phường Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh xác nhận: Có ký hợp đồng kinh tế ngày 10/11/2009 về cung cấp hàng hóa than các loại tổng trị giá hợp đồng tạm tính: 27.840.000.000 đồng. Công ty Thuận Phong đã chuyển số tiền đặt cọc 01 tỷ đồng cho Công ty TNHH Trường Hạnh, do không thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Trường Hạnh đã thanh toán trả Công ty Thuận Phong 01 tỷ đồng. Còn hợp đồng kinh tế ngày 04/01/2010 Công ty không ký và không xuất hàng theo hóa đơn GTGT số 01 GTKT-3LL, ký hiệu: CN/2007, số 0048510 vì Công ty Trường Hạnh không có mẫu hóa đơn này (Bút lục 895-906).

- Công ty cổ phần cơ khí xây dựng An Long (viết tắt Công ty An Long) do bà Đặng Thị Bích là giám đốc có địa chỉ tại Lô 36 Trần Nguyên Đán, khu đô thị Hòa Vượng, thành phố Nam Đ xác nhận có ký hợp đồng số 02/HĐKT ngày 01/3/2010 về việc mua bán tôn tấm, sắt thép với Công ty Thuận Phong có nhận số tiền 2,3 tỷ đồng do Ngân hàng chuyển vào tài khoản Công ty An Long, sau đó đã trả lại ông Phong số tiền 2,3 tỷ đồng (bằng hình thức rút séc). Phiếu chi số 54 ngày 23/3/2010

nội dung: Công ty Thuận Phong trả tiền mua thép tấm các loại, bà Bích xác nhận không ký phiếu thu này và không biết phiếu thu này (Bút lục số 912 đến 921)

- Công ty TNHH Tiến Bảo do ông Mai Tiến Dũng làm giám đốc có địa chỉ tại Lô 14-15 Chân Cầu Vượt, xã Lộc Hòa, Nam Đ, đại diện Công ty bà Mai Thị Nguyệt - kế toán xác nhận: Khoảng tháng 8/2010 Trần Cao Ph giám đốc Công ty Thuận Phong đề nghị xin tờ hóa đơn bán hàng của Công ty TNHH Tiến Bảo, bà Nguyệt đã cho Phong tờ hóa đơn lưu không, thực tế Công ty Tiến Bảo không bán cho Phong số lượng dầu thành tiền 300 triệu đồng. Phong có chuyển tiền vào tài khoản Công ty Tiến Bảo, sau đó ông Dũng đã trả lại cho Phong, Phong có viết giấy biên nhận đã nhận tiền (Bút lục 907 đến 911)

- Công ty TNHH Tuấn Sinh do bà Nguyễn Thị Sinh làm giám đốc có địa chỉ tại bãi Vạn Hà, phường Lộc Hạ, thành phố Nam Đ, Nam Đ xác nhận: có ký hợp đồng về việc cung cấp hàng hóa số 06/HĐ-2010 ngày 06/01/2010 về việc cung cấp hàng hóa than các loại với Công ty TNHH Thuận Phong, tổng trị giá hợp đồng tạm tính: 17.185.000.000 đồng. Công ty Thuận Phong không thực hiện các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng vì vậy hợp đồng không được thực hiện (Bút lục 922 đến 925).

- Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Phong Hải do ông Bùi Thanh Hải làm giám đốc có địa chỉ tại xóm 13, xã Việt Hùng, Trục Ninh, Nam Đ xác nhận: Công ty Thuận Phong có ký hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT ngày 23/02/2010 về việc bán thép tấm đóng tàu, tổng giá trị hợp đồng: 7.750.000.000 đồng, do Công ty Thuận Phong không có hàng cung cấp cho Công ty Phong Hải nên hợp đồng không được thực hiện (Bút lục 926 đến 935).

- Doanh nghiệp tư nhân Mai Lan do ông Trần Văn Hương làm giám đốc, có địa chỉ tại xã Yên Nhân, Ý Yên, Nam Đ xác nhận: Có ký hợp đồng kinh tế số 08/HĐ ngày 08/01/2010 về việc cung cấp hàng hóa than các loại tổng trị giá hợp đồng tạm tính: 14.540.000.000 đồng. Công ty Thuận Phong không thực hiện các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng vì vậy hợp đồng không được thực hiện (Bút lục số 936-938)

Tại CQĐT, ông Đỗ Văn Chúc – Kế toán trưởng Công ty Thuận Phong trình bày: Báo cáo tài chính năm 2008, 2009 của Công ty Thuận Phong gửi Ngân hàng Công thương chi nhánh Nam Đ do ông Đỗ Văn Chúc lập theo chỉ đạo của Trần Cao Ph có nội dung không hoàn toàn, ông Chúc thừa nhận ký các bản phương án kinh doanh, phương án vay vốn trả nợ (đều do ông Trần Cao Ph lập sẵn), các giấy đề nghị vay vốn, các giấy nhận nợ của Công ty Thuận Phong với Ngân hàng Công thương Nam Đ với tư cách là kế toán trưởng của công ty. Trên thực tế số tiền ký nhận nợ với Ngân hàng Công thương Nam Đ do ông Trần Cao Ph nhận và sử dụng thế nào ông Đỗ Văn Chúc không biết vì không được đưa vào hạch toán trên sổ sách kế toán

của công ty. Ông Chức lập các bảng lương theo chỉ đạo của Phong trong đó có tên ông Chức nhưng thực tế ông Chức không nhận lương theo bảng đã lập (Bút lục số 1282 đến 1288, 148-167).

Ngoài ra, ngày 31/12/2009, Trần Cao Ph đại diện Công ty Thuận Phong ký Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 01/2009/HĐ với Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Đ (sau đây viết tắt là BIDV Nam Đ) để vay số tiền: 28.000.000.000 đồng với thời hạn 84 tháng để đóng mới 01 tàu vận tải biển hạn chế II, trọng tải 3.200 tấn ký hiệu là tàu S07-002.34; Tài sản thế chấp là 02 thửa đất tổng giá trị 1.395.600.000 đồng và 01 Tàu hình thành từ vốn vay ký hiệu S07-002.34 giá trị 36 tỷ đồng; Tàu NĐ 2503 giá trị 3 tỷ đồng. BIDV Nam Đ đã giải ngân cho Công ty Thuận Phong theo tiến độ đóng mới tàu vận tải biển trên với tổng số tiền là: 10.986.000.000 đồng. Cụ thể: Lần 1: Ngày 31/12/2009 giải ngân số tiền: 8.000.000.000 đồng; Lần 2: Ngày 30/6/2010 giải ngân số tiền: 2.986.000.000 đồng. Thuận Phong đã thanh toán được tổng số tiền lãi là 514.777.778 đồng, tiền gốc là 0 đồng thì dừng thanh toán từ năm 2011. Do Trần Cao Ph bỏ trốn nên BIDV Nam Đ đã thanh lý 02 thửa đất, tàu S07-002.34 hình thành từ vốn vay để trừ nợ. Đối với tàu NĐ-2503 trị giá 3 tỷ đồng BIDV Nam Đ không tìm thấy. BIDV Nam Đ xác định: Tính đến ngày 20/12/2024 ngân hàng đã thực hiện xử lý 03 tài sản đảm bảo gồm 02 bất động sản và tài sản hình thành từ vốn vay, số nợ gốc đã thu được: 4.518.461.819 đồng, Công ty TNHH Thuận Phong còn nợ ngân hàng BIDV Nam Đ tổng số tiền theo hợp đồng tín dụng trên là 29.414.995.238 đồng, trong đó nợ gốc là: 6.467.538.181 đồng; nợ lãi: 22.947.457.057 đồng.

Tại CQĐT, Trần Cao Ph khai nhận (Bút lục từ số 75 đến 112):

- Đối với tàu VNB04-01: Trần Cao Ph đã trao đổi thỏa thuận với Habubank Hàng Trống về việc bán tàu biển ký hiệu thiết kế VNB 04-01 và đổi tài sản thế chấp. Sau khi bán tàu VNB 04-01 Trần Cao Ph ký hợp đồng đóng tàu hàng khô/VNB 02-12 với Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Phong Hải do ông Bùi Thanh Hải làm giám đốc địa chỉ xóm 13, xã Việt Hùng, Trục Ninh, Nam Đ. Ngày 21/7/2010 Trần Cao Ph và Habubank Hàng Trống ký Hợp đồng thế chấp tài sản tàu hàng khô/VNB 02-12 và nộp Giấy chứng nhận thiết kế được duyệt số 065/08TS do Đăng kiểm Việt Nam chứng nhận ngày 07/4/2008. Tuy nhiên, ông Bùi Thanh Hải xác nhận chỉ nhận đóng 02 tàu tải trọng 3.200 tấn ký hiệu S07-002.34 và S07-002.35 cho Công ty Thuận Phong theo Hợp đồng, không đóng tàu VNB02-12. (Bút lục số 3022- 3020, 3094-3118). Chi cục Đăng kiểm số 02 cung cấp: Đối với tàu VNB02-12 mới thực hiện giám sát ban đầu (xác nhận đặt ki ngày 24/4/2008; chứng nhận thép đóng tàu ngày 26/06/2008), do trong quá trình giám sát thấy có nhiều khiếm khuyết trong quá trình thi công nên đã yêu cầu Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy Phong Hải khắc phục nhưng không thực hiện yêu cầu nên Chi cục Đăng kiểm số 02 đã có Văn bản từ chối giám sát ngày 11/8/2008

(Bút lục từ số 2253-2275).

- Đối với tàu VNS-10 thế chấp tại Habubank Hàng Trống: sau khi làm thủ tục đăng ký tàu mang tên Thuận Phong 05 (NĐ 2023). Trần Cao Ph bàn giao tàu cho ông Phạm Văn Long, sinh năm: 1970, chức vụ thuyền trưởng, địa chỉ: Phương Định, Trục Ninh, Nam Đ và bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa tàu Thuận Phong 05 -NĐ 2023 ngày 17/3/2008. Phong cầm bản chính làm tài sản thế chấp tại Vietibank Nam Đ. Sau đó ông Long mang tàu đi làm ăn ở Trung Quốc nên tháng 04 năm 2011 khi Phong bỏ trốn khỏi địa phương, Phong đã đi sang Trung Quốc tìm ông Long yêu cầu ông Long mang tàu NĐ 2023 về Việt Nam để bán lấy tiền trả tiền đã vay ngân hàng nhưng Phong không tìm thấy ông Long và tàu NĐ2023, nghe người quen ông Long nói, tàu đã bị thu do nợ tiền bên Trung Quốc, hiện Phong không biết ông Long đang sinh sống ở đâu. Tuy nhiên, Phong không cung cấp được tài liệu về việc bàn giao tàu cho ông Long. Theo kết quả điều tra: tàu NĐ-2023 L quan đến vụ án Phạm Xuân Kiên phạm tội “Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới” do Công an tỉnh Quảng Ninh khởi tố ngày 25/4/2008. Ngày 03/7/2013, Công an tỉnh Quảng Ninh đã tạm giao tàu cho Trần Cao Ph quản lý. Ngày 09/01/2009, tại bản án số 10/2009/HSST đã tuyên trả tàu NĐ-2023 cho Trần Cao Ph (Bút lục số 2140-2154). Ngoài ra, thời điểm tàu NĐ-2023 bị Công an tỉnh Quảng Ninh thu giữ, ông Phạm Văn Long trình bày: Long chỉ là người làm thuê cho chủ tàu NĐ-2023 do Phạm Xuân Kiên (là em trai Long) làm thuyền trưởng.

- Đối với tàu NĐ-2531 thế chấp tại Vietinbank Nam Đ: Phong giao tàu này cho thuyền trưởng là ông Cương (Trần Cao Ph không nhớ ông Cương ở đâu) vào năm 2009 để hoạt động vận chuyển hàng hóa thuê, tuyến Quảng Ninh - Nam Đ - Trung Quốc. Thời gian tháng 04/2011 Trần Cao Ph sang Trung Quốc tìm tàu NĐ 2531, Phong nắm được thông tin khi chở hàng thuê cho chủ hàng là bà Ly và ông Hậu sang Trung Quốc nhưng do bà Ly và ông Hậu nợ nần không thanh toán nên đã bị thu giữ tàu.

- Về việc sử dụng số tiền đã vay: Phong khai nhận thời điểm năm 2009 Trần Cao Ph ký Hợp đồng kinh tế với Công ty Phong Hải đóng mới 02 tàu tải trọng 3.200 tấn ký hiệu VNB02-12 và S07-002.34. Phong sử dụng toàn bộ số tiền bán tàu VNB04-01 và tiền vay Habubank Hàng Trống, Vietinbank Nam Đ đầu tư đóng 02 con tàu này nhưng do làm ăn thua lỗ nên đầu năm 2011, Phong đã bỏ đi khỏi địa phương, lúc đó 02 tàu mới hoàn thành được khoảng 40% nên không biết được hiện 02 tàu này được xử lý như nào. Đến nay Phong không có khả năng hoàn trả số tiền đã vay. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra: Từ năm 2007 đến 2010, Phong vay của 03 Ngân hàng nhưng khi bỏ trốn chưa thanh toán tổng số tiền 29.999.000.000 đồng, nhận tổng số tiền 12.500.000.000 đồng bán tàu VNB04-01. Theo Dự toán đóng tàu 3.200 tấn: lượng vật liệu thép thi công khoảng 842.000 kg tương ứng với giá trị

khoảng 10.000.000.000 đồng, tiền công gia công ký với Phong Hải là 4.200 đồng/kg (Bút lục từ số 2952 đến 2977). Tình trạng 02 tàu tải trọng 3.200 tấn khi Phong bỏ trốn: mới thi công được khoảng 40 % vỏ tàu, Thuận Phong đã chuyển gần 900.000 kg thép và đặt tiền thi công cho Phong Hải là 2.421.430.000 đồng (Bút lục số 3097,3098, 3102); Ngân hàng BIDV đã thanh lý tàu S07-002.34 giá trị 3.450.000.000 đồng (Bút lục số 3114, 3115), ông Bùi Thanh Hải trình bày: gia đình ông Phong đã bàn giao tàu S07-002.35 cho ông Hải để trừ nợ và ông Hải đã dỡ bán sắt vụn (Bút lục số 3024). Như vậy Phong chỉ sử dụng khoảng 12 tỷ đồng đầu tư đóng 02 tàu tải trọng 3.200 tấn trong tổng số khoảng 32 tỷ đồng có được từ việc vay của các Ngân hàng và bán tàu ND-2023.

Ngày 16/01/2013, Cơ quan CSĐT đã ra Thông báo truy tìm tàu ND2023 và tàu ND 2531 gửi đến Công an các tỉnh, thành phố và Cảng sông, cảng biển các địa phương nhưng đến nay chưa có thông tin về 02 tàu này (Bút lục số 1887-1888).

*** Về vật chứng:** - Cơ quan CQĐT – Công an tỉnh Nam Đ đã ra Lệnh kê biên tài sản số 01/PC46 ngày 13/6/2012 đối với 01 tàu mang tên Hồng Bàng 68 ký hiệu VNB04-01 và giao cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng sử dụng, bảo quản.

Cáo trạng số: 61/CT-VKS-P3 ngày 12/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Đ đã truy tố bị cáo Trần Cao Ph về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 174 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu trên.

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Cao Ph phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Cao Ph từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Cao Ph từ 18 năm đến 19 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

4. Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo Trần Cao Ph phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm (ba mươi năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2024.

5. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục giao cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng sử dụng, bảo quản 01 tàu mang tên Hồng Bàng 68 ký hiệu VNB04-01 theo Lệnh kê biên tài sản số 01/PC46 ngày 13/6/2012 của Cơ quan CQĐT – Công an tỉnh Nam Đ. Sau này các bên có tranh chấp về quyền sở hữu đối với 01 tàu mang tên Hồng Bàng 68 ký hiệu VNB04-01 sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

6. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 280, 288 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010: buộc bị cáo Trần Cao Ph và Công ty TNHH Thuận Phong có trách nhiệm L đới trả lại số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử **xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo**.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị **Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo**.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Nam Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Từ các tình tiết, chứng cứ trên đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Từ 12/7/2007 đến 17/03/2008, Trần Cao Ph đại diện Công ty TNHH Thuận Phong ký Hợp đồng tín dụng và thực hiện các thủ tục thế chấp tài sản gồm tàu VNS-10, tàu VNB04-01, thửa đất số thửa đất số 1859, tờ bản đồ PL4/5 tại địa chỉ xã Trục Tuấn, huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà với Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội – Chi nhánh Hàng Trống để đầu tư đóng mới tàu VNB04-01 và đã nhận tổng số tiền 9.414.000.000 đồng để đầu tư đóng tàu. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Trần Cao Ph đã trả 233 triệu đồng tiền gốc. Sau đó, ngày 17/3/2008 bán tàu VNB04-01 cho Công ty cổ phần thương mại xi măng Hải Phòng nhưng không thông báo cho Habubank Hàng Trống mà vẫn gian dối thỏa thuận với Habubank Hàng Trống là khi nào bán được tàu sẽ lấy tiền thanh toán trả nợ cho Habubank Hàng Trống, nhưng sau khi bán tàu, Trần Cao Ph không

thanh toán trả nợ và bỏ trốn (cắt đứt L lạc, không L hệ với Ngân hàng, không thông tin địa chỉ nơi cư trú cho gia đình, người thân và chính quyền địa phương). Habubank Hàng Trống đã phát mại nhà đất đứng tên Trần Thị L thu hồi số tiền 168 triệu đồng. Trần Cao Ph đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tổng số tiền 9.013.000.000 đồng đã vay của Habubank Hàng Trống.

[2.2] Từ ngày 05/5/2008 đến 30/6/2009, mặc dù đã bán tài sản thế chấp là tàu VNB04-01 dẫn đến tổng giá trị tài sản thế chấp còn lại (tàu VNS-10 và thửa đất đứng tên bà Trần Thị L) thấp hơn tổng dự nợ tại Habubank Hàng Trống và dùng đầu tư đóng tàu VNB04-01 nhưng Trần Cao Ph vẫn tiếp tục gian dối với Habubank Hàng Trống bằng cách kê khai mục đích sử dụng vốn vay là hoàn thiện tàu này, lập Biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành không đúng thực tế đưa vào hồ sơ đề nghị Habubank Hàng Trống giải ngân số tiền 2.586.000.000 đồng còn lại của hạn mức vay 12 tỷ đồng và ký 02 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cho vay 1.616.000.000 đồng để lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 4.202.000.000 đồng của Habubank Hàng Trống.

[2.3] Từ tháng 2/2010 đến tháng 8/2010, mặc dù đã thế chấp toàn bộ giá trị tàu VNS-10 (đăng ký là tàu ND-2023) để vay tiền của Habubank Hàng Trống nhưng Trần Cao Ph vẫn tiếp tục gian dối kê khai tàu ND-2023 chưa được thế chấp, bảo lãnh ở bất kỳ tổ chức và cá nhân nào khác để sử dụng tàu này làm tài sản thế chấp, lập các Báo cáo tài chính, phương án kinh doanh không đúng hoạt động sản xuất kinh doanh, che giấu việc đang nợ Habubank Hàng Trống và BIDV tổng số tiền hơn 23 tỷ đồng (trong đó có nợ quá hạn Habubank Hàng Trống hơn 13 tỷ đồng) và lập các Hợp đồng mua bán và Hóa đơn không đúng thực tế đưa vào hồ sơ đề nghị Vietinbank Nam Đ cấp tín dụng cho Công ty Thuận Phong và cho vay 5.600.000.000 đồng. Trần Cao Ph vi phạm Hợp đồng tín dụng nên Vietinbank Nam Đ đã phát mại tài sản thế chấp là nhà đất đứng tên bà Sinh thu hồi 300 triệu đồng. Trần Cao Ph lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền 5.300.000.000 đồng của Vietinbank Nam Đ.

[2.4] Hành vi vay tiền của Habubank Hàng Trống rồi gian dối chiếm đoạt tổng số tiền 9.013.000.000 đồng của Trần Cao Ph được thực hiện từ 12/7/2007 đến 17/03/2008 đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. **Tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 4 Điều 140 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên** theo quy định tại BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hành vi này quy định tại khoản 4 Điều 175. **Khoản 4 Điều 140 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009** có khung hình phạt nặng hơn khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 về hiệu lực thi hành BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Cao Ph phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2.5] Hành vi gian dối để vay tiền rồi chiếm đoạt tổng số tiền 9.502.000.000 đồng của Habubank Hàng Trống thực hiện từ ngày 05/5/2008 đến 30/6/2009 và Vietinbank Nam Đ thực hiện từ tháng 2/2010 đến tháng 8/2010 của Trần Cao Ph đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên theo quy định tại BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hành vi này quy định tại Điểm a khoản 4 Điều 174. Điểm a Khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có định lượng tài sản chiếm đoạt thấp hơn quy định tại Điểm a khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 về hiệu lực thi hành BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Cao Ph phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức được hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền tiêu xài, trả các khoản nợ, đầu tư kinh doanh nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại tới chế độ bất khả xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, tổ chức được pháp luật hình sự ghi nhận, bảo vệ đồng thời gây mất trật tự trị an cho xã hội và tạo ra dư luận xấu, gây bất B trong quần chúng nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo có nhiều lần gian dối lập hồ sơ vay chiếm đoạt tài sản nên chịu tình tiết tăng nặng TNHS “Phạm tội từ 2 lần trở lên” quy định tại Điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự cho cả hai tội.

[6] Về việc áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo cũng như giáo dục răn đe phòng ngừa chung. Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, hiện tại đã mất khả năng thanh toán nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan CQĐT – Công an tỉnh Nam Đ đã ra Lệnh kê biên tài sản số 01/PC46 ngày 13/6/2012 đối với 01 tàu mang tên Hồng Bàng 68 ký hiệu VNB04-01 và giao cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng sử dụng, bảo quản. Do việc xác định người được quyền sở hữu đối với 01 tàu mang tên Hồng Bàng 68 ký hiệu VNB04-01 rất phức tạp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, doanh nghiệp và không thể chứng minh tại phiên tòa xét xử đối với bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 01/PC46 ngày 13/6/2012 của Cơ quan CQĐT – Công an tỉnh Nam Đ, tiếp tục giao cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng sử dụng, bảo quản theo. Sau này các bên có tranh chấp về quyền sở hữu đối với 01 tàu mang tên Hồng Bàng 68 ký hiệu VNB04-01 sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Cao Ph và Công ty Thuận Phong có trách nhiệm L đới thanh toán số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí vì vậy miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định của pháp luật cho bị cáo. Công ty Thuận Phong phải nộp án phí dân sự được tính bằng 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tài sản vượt 4.000.000.000 đồng tương ứng với số tài sản phải bồi thường. Chia phần Công ty Thuận Phong phải nộp một nửa án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Cao Ph phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ vào khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Cao Ph 15 năm (mười lăm năm) tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

3. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Cao Ph 18 năm (mười tám năm) tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

4. Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo Trần Cao Ph phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm (ba mươi năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2024.

5. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục giao cho Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng sử dụng, bảo quản 01 tàu mang tên Hồng Bàng 68 ký hiệu VNB04-01 theo Lệnh kê biên tài sản số 01/PC46 ngày 13/6/2012 của Cơ quan CQĐT – Công an tỉnh Nam Đ. Sau này các bên có tranh chấp về quyền sở hữu đối với 01 tàu mang tên Hồng Bàng 68 ký hiệu VNB04-01 sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

6. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 280, 288 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010: buộc bị cáo Trần Cao Ph và Công ty TNHH Thuận Phong có trách nhiệm L đới trả lại số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại. Cụ thể:

- Trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội tổng số tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết số: HĐTD 0706HT119/HĐTD ngày 12/7/2007; HĐTD 0903HT003/HĐTD-PN/2009 ngày 03/3/2009 và HĐTD 0906HT031/HĐTD-NH/2009 ngày 30/6/2009 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2025) là 70.298.815.691 đồng (bảy mươi tỷ hai trăm chín mươi tám triệu tám trăm mười lăm nghìn sáu trăm chín một đồng).

- Trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Nam Đ (Vietinbank Nam Đ) tổng số tiền theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết số: TD1022017/HĐTD ngày 02/02/2010; TD1022051/HĐTD ngày 29/3/2010 và TD1022258/HĐTD ngày 24/8/2010 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2025) là 24.038.731.678 đồng (hai mươi bốn tỷ không trăm ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi một nghìn sáu trăm bảy tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26 tháng 6 năm 2025), bị cáo, Công ty TNHH Thuận Phong phải tiếp tục trả lãi theo quy định của các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho các bị hại.

7. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cho bị cáo Trần Cao Ph.

Buộc Công ty TNHH Thuận Phong phải nộp 101.168.000 đồng án phí dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Đ;
- Công an tỉnh Nam Đ
- TAND Cấp cao;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người L quan
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Công